

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **98/2022/HNGĐ-ST**
Ngày: 08-12-2022
V/v tranh chấp: “Không công nhận
là vợ chồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH Đ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Kim Xuyên

Bà Trần Thanh Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Quân Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Đặng Văn Hoàng Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 588/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp “Không công nhận là vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1017/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trương Hồng Đ**, sinh năm 1969.

2. Bị đơn: Ông **Trần Văn Nh**, sinh năm 1964.

Cùng địa chỉ: số 971, ấp 2, xã K, huyện N, tỉnh Đ.

(Các đương sự vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn bà Trương Hồng Đ trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Văn Nh chung sống vào năm 1990, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn.

Ông bà chung sống đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên bất hòa. Từ năm 2005 bà và ông Nh sống ly thân nhau

đến nay không lần nào hòa giải đoàn tụ. Nay bà đề nghị Tòa án xét xử không công nhận bà và ông Nh là vợ chồng do chung sống không có đăng ký kết hôn.

Về con chung: có 03 cháu là Trần Quốc V, sinh ngày 27/6/1993; Trần Quốc A, sinh ngày 09/8/1996; Trần Mỹ Ng, sinh ngày 18/6/2003. Các con chung đều đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà và ông Nh tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc nên bà xin vắng mặt tại phiên toà xét xử vụ án.

** Bị đơn ông Trần Văn Nh trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Đ chung sống vào năm 1990, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn.

Ông bà chung sống đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp nên thường xuyên bất hòa. Từ năm 2005 ông và bà Đ sống ly thân nhau đến nay. Nay bà Đ đề nghị Tòa án xét xử không công nhận ông và bà Đ là vợ chồng do chung sống không có đăng ký kết hôn, ông đồng ý.

Về con chung: có 03 cháu là Trần Quốc V, sinh ngày 27/6/1993; Trần Quốc A, sinh ngày 09/8/1996; Trần Mỹ Ng, sinh ngày 18/6/2003. Các con chung đều đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: ông và bà Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc nên ông xin vắng mặt trong phiên toà xét xử vụ án.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*

- Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục Tòa án thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, xác minh thu thập chứng cứ, việc tuân theo pháp luật của đương sự và của hội đồng xét xử đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: vào năm 1990 bà Trương Hồng Đ và ông Trần Văn Nh tự nguyện chung sống nhưng không tiến hành đăng ký kết hôn, đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn nên ông bà sống ly thân nhau. Nay bà Đ yêu cầu giải quyết không công nhận bà và ông Nh là vợ chồng. Căn cứ Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 1986; Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà Trương Hồng Đ và ông Trần Văn Nh có yêu cầu vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án theo quy định.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự:

+ Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trương Hồng Đ yêu cầu không công nhận là vợ chồng với ông Trần Văn Nh. Qua kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã K ngày 16/11/2022 thì ông Nh có thường trú tại ấp 2, xã K, huyện N, tỉnh Đ nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện N có thẩm quyền giải quyết vụ án.

+ Quan hệ pháp luật được xác định “Không công nhận là vợ chồng”.

+ Tư cách đương sự: Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định nguyên đơn là bà Trương Hồng Đ, bị đơn là ông Trần Văn Nh.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Hồng Đ khai bà chung sống với ông Trần Văn Nh vào năm 1990 trên cơ sở tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn. Lời khai của bà Đ được ông Nh thừa nhận, phù hợp với giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 31/UBND-XNTTHN ngày 17/8/2022 và kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện N, tỉnh Đ ngày 16/11/2022.

Xét thấy việc bà Đ và ông Nh chung sống vào năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 1986 nên hôn nhân trên không được xem là hợp pháp. Nay bà Đ yêu cầu không công nhận bà và ông Nh là vợ chồng, ông Nh đồng ý. Xét yêu cầu của bà Đ là phù hợp quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014 nên chấp nhận.

[4]. Về con chung: Bà Đ và ông Nh khai có 03 con chung là Trần Quốc V, sinh ngày 27/6/1993; Trần Quốc A, sinh ngày 09/8/1996; Trần Mỹ Ng, sinh ngày 18/6/2003. Hiện nay các con chung đều đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét, giải quyết.

[5]. Tài sản chung: các đương sự không tranh chấp nên không xét.

[6]. Về nợ chung: bà Đ, ông Nh khai không có nên không xem xét.

[7]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Đ phải toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 157, 220, 227, 228, 264, 266, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 1986; Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Hồng Đ về việc “Không công nhận là vợ chồng” đối với bị đơn ông Trần Văn Nh.

1. Xử: Không công nhận bà Trương Hồng Đ và ông Trần Văn Nh là vợ chồng.

2. Về án phí: Bà Trương Hồng Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0008636 ngày 10/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đ. Bà Đ đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Tòa án tỉnh; Thi hành án;
- UBND xã Phước Khánh;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Mai